

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 02 - 2023
V/v “Ly hôn, Tranh chấp về cấp
dưỡng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương;
2. Ông Phan Công Điện.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 762/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HN, ngày 02 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Mai Thúy P**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.
 2. *Bị đơn:* **Đoàn Văn N** sinh năm 1977.
Địa chỉ: ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.
- Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Mai Thúy P (Sau đây gọi chị P) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Đoàn Văn N (Sau đây gọi anh N) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng chị hay nhậu

nhặt về kiểm chuyện đánh đập, chửi bới vợ, từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm và chồng chỉ hứa nhiều lần nhưng không sửa đổi được gì nên vẫn không đoàn tụ được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh N.
- Về con chung: Có ba người con tên: Đoàn Mai D (Nam), sinh ngày 22 tháng 3 năm 2004 (Đã đủ tuổi trưởng thành) và hai cháu còn lại là Đoàn Thế V (Nam), sinh ngày 12 tháng 6 năm 2009 và cháu Đoàn Mai A (Nam), sinh ngày 13 tháng 10 năm 2013. Từ khi ly thân thì con chung gửi nhà ngoại nuôi vì chị phải đi làm. Khi ly hôn chị yêu cầu chồng chị nuôi tiếp một cháu nhưng anh ấy cho rằng không có nhà ở nên không nuôi. Như vậy, chị cũng đồng ý nuôi hai con chưa trưởng thành. Tại phiên tòa chị P yêu cầu anh N cấp dưỡng theo quy định.

Về nợ và tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Đoàn Văn N có lời trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã nhau, cũng có lần do nói vợ không nghe lời nên anh có đánh vợ. Nay anh nhận thấy vậy là sai và cam đoan không đánh vợ nữa. Mâu thuẫn chưa có gì là lớn, do còn thương vợ, con nên chưa đồng ý ly hôn.

Giả sử phải ly hôn. Con chung đồng ý để vợ nuôi, anh có tiền thì cho con, do anh không có nhà để ở nên chưa không đồng ý ràng buộc nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về nợ và tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại các bản tự khai khai ngày 03 tháng 01 năm 2023 các cháu Đoàn Thế V và cháu Đoàn Mai A trình bày (Có sự chứng kiến của chị Phượng): Từ trước đến nay các cháu sống với mẹ, nay các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, buộc bị đơn phải cấp dưỡng theo quy định; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Ly hôn, Tranh chấp về cấp dưỡng được quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: chị P và anh N qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 8 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P: Chị và anh N trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N có hành vi bạo lực gia đình là đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Vợ chồng có bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã chọn cách sống ly thân; xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ, anh N chưa đồng ý ly hôn, đưa ra giải pháp đoàn tụ nhưng không được chị P đồng ý. Trong khi đó, chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

[4] Về con chung: Có ba người con chung nhưng có một người con đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét về quyền nuôi con đối với người này. Hai người còn lại là cháu Vĩ và Mai A, anh chị không có tranh chấp về quyền nuôi con. Xét từ khi ly thân đến nay thì con chung do chị P nuôi, đồng thời cả hai cháu cháu V và Mai A đều có nguyện vọng được sống với mẹ và có thời gian sống bên mẹ, chị P cũng đồng ý nuôi con, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, cần tiếp tục giao cả hai cháu cho chị P nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị P, anh N có yêu cầu khác.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị P yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Qua đó yêu cầu cấp dưỡng của chị P có căn cứ chấp

nhận. Về mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật chỉ áp dụng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Như vậy chỉ có căn cứ buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi một con chung mỗi tháng 745.000 đồng, nhằm đảm bảo quyền lợi của con chung sau ly hôn thì thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung là cháu Mai A (Cháu nhỏ nhất) đủ 18 tuổi.

[6] Về nợ và tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận;

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Mai Thúy P và anh Đoàn Văn N.
2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Đoàn Thế V (Nam), sinh ngày 12 tháng 6 năm 2009 và cháu Đoàn Mai A (Nam), sinh ngày 13 tháng 10 năm 2013 cho chị Mai Thúy P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị P, anh N có yêu cầu khác.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Đoàn Văn N mà không ai có quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đoàn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Mai Thúy P tiền nuôi con chung mỗi tháng là 745.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu Đoàn Mai A đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 02 năm 2023).

4. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Mai Thúy P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn

đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000765, ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

6. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đoàn Văn N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã H,
- h.H, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm